

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 43
8. Phụ lục 01	44
9. Phụ lục 02	45
10. Phụ lục 03	46 - 48

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 35 147 340
- Fax : (84-28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Xuân Trình	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Ông Phạm Phú Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Dương Khuê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khuê	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020
Bà Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Khuê – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2022



Số: 1.1370/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 20 tháng 8 năm 2022, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 và phúc thẩm ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Tổng Công ty đã đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.012.113.512.580	1.099.867.357.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.987.963.630	61.635.751.118
1. Tiền	111		29.486.460.112	21.635.751.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.501.503.518	40.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		245.000.000.000	12.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	245.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.799.314.292	795.716.022.222
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	289.288.499.957	327.342.071.068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.107.723.229	3.981.655.107
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	116.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	253.159.473.779	388.497.069.138
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(18.850.228.459)	(40.929.070.326)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		93.845.786	224.297.235
IV. Hàng tồn kho	140		173.709.668.527	225.919.863.285
1. Hàng tồn kho	141	V.8	176.632.967.752	229.792.289.067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.923.299.225)	(3.872.425.782)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.616.566.131	4.595.720.497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	919.447.131	1.000.376.697
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.465.322.574	3.345.603.074
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	231.796.426	249.740.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.843.974.508.068	1.900.258.201.267
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.532.895.759	67.332.895.759
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	4.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	62.532.895.759	62.532.895.759
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		903.828.940.781	949.380.274.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	818.013.586.763	860.182.728.898
- Nguyên giá	222		1.776.943.963.834	1.770.862.558.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(958.930.377.071)	(910.679.830.028)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	85.632.309.769	88.986.414.457
- Nguyên giá	225		92.945.614.827	92.945.614.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.313.305.058)	(3.959.200.370)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	183.044.249	211.130.713
- Nguyên giá	228		583.927.273	583.927.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(400.883.024)	(372.796.560)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		230.237.425.171	221.963.140.875
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	215.340.985.983	215.340.985.983
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	14.896.439.188	6.622.154.892
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		633.929.864.396	645.472.035.715
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	220.050.000.000	220.050.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	349.675.919.796	349.675.919.796
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	105.929.737.637	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(41.725.793.037)	(49.501.249.280)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.445.381.961	16.109.854.850
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	13.445.381.961	16.109.854.850
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.856.088.020.648	3.000.125.558.389

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.358.602.941.220	1.429.995.304.476
I. Nợ ngắn hạn	310		523.504.816.816	587.823.845.811
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	253.391.149.796	288.650.198.854
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	11.627.416.572	15.956.795.254
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	26.944.072.858	3.509.463.127
4. Phải trả người lao động	314	V.19	15.384.889.476	26.216.145.379
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	3.705.156.617	2.791.779.917
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21a	3.157.462.000	3.263.143.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	53.699.290.482	3.637.870.270
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	63.281.572.620	159.137.287.397
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	62.473.188.366	62.473.188.366
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	29.840.618.029	22.187.973.429
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		- 835.098.124.404	842.171.458.665
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21b	25.259.696.000	26.838.427.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	29.426.000.000	29.426.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	780.412.428.404	785.907.031.665
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.497.485.079.428	1.570.130.253.913
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.497.485.079.428	1.570.130.253.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	432.112.320.476	416.437.619.476
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	286.295.572.951	374.615.448.436
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		115.484.423.436	374.615.448.436
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		170.811.149.515	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.856.088.020.648	3.000.125.558.389

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	726.100.775.491	498.562.875.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	350.742.198	3.480.785.339
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		725.750.033.293	495.082.090.512
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	645.476.435.649	428.337.688.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.273.597.644	66.744.401.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	147.601.575.014	171.255.795.626
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.872.212.048	10.962.013.858
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.917.406.193	8.950.655.077
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	8.133.310.285	6.457.700.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	41.446.971.991	52.862.436.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		170.422.678.334	167.718.047.598
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.038.377.824	39.263.371.873
12. Chi phí khác	32	VI.9	577.906.643	11.414.814.325
13. Lợi nhuận khác	40		460.471.181	27.848.557.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		170.883.149.515	195.566.605.146
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>170.883.149.515</u>	<u>195.566.605.146</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022


Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởngDương Khuê
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhon Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		170.883.149.515	195.566.605.146
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	54.387.959.219	56.615.786.412
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	(30.803.424.667)	(6.147.504.394)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	10.108.877.729	(2.242.636.779)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4, VI.8	(144.177.707.667)	(166.800.549.499)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.917.406.193	8.950.655.077
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.316.260.322	85.942.355.963
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		113.838.068.710	(76.862.677.746)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		53.159.321.315	(4.567.981.389)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.825.584.131)	39.103.915.640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.745.402.455	2.905.802.691
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V. 20, V.22, VI.23, VI.4, VII	(12.542.048.309)	(19.974.966.815)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.26	(11.863.006.400)	(11.576.615.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		189.828.413.962	14.969.833.153
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.14, VII	(10.765.168.130)	(26.046.344.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	661.851.852	9.359.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(245.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	133.400.000.000	120.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b, VI.4, VI.5	52.497.942.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.4, VI.5, VII	179.191.286.168	294.479.390.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		109.985.911.890	277.912.227.874

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	117.358.101.865	339.547.636.672
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(234.388.047.825)	(576.182.432.539)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(6.051.649.436)	(770.224.948)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a, V.26	(178.733.748.000)	(104.828.509.350)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(301.815.343.396)</i>	<i>(342.233.530.165)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(2.001.017.544)</i>	<i>(49.351.469.138)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>61.635.751.118</i>	<i>90.944.797.197</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>353.230.056</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>59.987.963.630</i>	<i>41.593.328.059</i>



Lê Thị Tú Anh
Người lập



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc, ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu của Tổng Công ty kỳ này tăng mạnh so với năm trước chủ yếu là do tăng doanh thu xuất khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, do cổ tức, lợi nhuận được chia kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước nên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty giảm.

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Công ty con

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (trước đây là Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú) có trụ sở chính tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là: Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại công ty con này là 90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 90%.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	48 Tầng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	30,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	09 Phù Đổng Thiên Vương, TP.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	31,71%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	23,89%	23,89%	23,89%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 532 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 529 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là quyền sử dụng đất, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí thuê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Quyền sử dụng đất

Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất là khoản tiền đã trả cho phần đất chuyển nhượng mà Công ty đang sử dụng. Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 10 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tổng Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tổng Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tầng Nhon Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	602.040.550	1.598.501.179
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.884.419.562	20.037.249.939
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	30.501.503.518	40.000.000.000
Cộng	59.987.963.630	61.635.751.118

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	220.050.000.000	-	220.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (i)	220.050.000.000	-	220.050.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	349.675.919.796	(24.219.385.030)	349.675.919.796	(28.803.074.337)
Công ty TNHH Coats Phong Phú (ii)	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn (iii)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt (iv)	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (v)	6.800.516.237	(6.800.516.237)	6.800.516.237	(6.800.516.237)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức (vi)	144.586.200.608	(3.061.733.549)	144.586.200.608	(2.820.748.789)
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (vii)	25.297.321.208	-	25.297.321.208	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang (viii)	70.968.627.165	(14.357.135.244)	70.968.627.165	(19.181.809.311)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	105.929.737.637	(17.506.408.007)	125.247.365.199	(20.698.174.943)
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (ix)	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương (x)	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (xi)	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú (xii)	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam (xiii)	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may (xiv)	11.282.879.453	(7.913.379.447)	11.282.879.453	(7.587.377.354)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá (xv)	2.984.184.383	(2.403.569.359)	2.984.184.383	(2.314.642.263)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú (xvi)	-	-	12.018.427.562	(3.278.429.206)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Hưng Phú ^(xvii)	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định ^(xviii)	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc ^(xix)	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú ^(xx)	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô ^(xxi)	-	-	7.299.200.000	(328.266.919)
Cộng	675.655.657.433	(41.725.793.037)	694.973.284.995	(49.501.249.280)

- (i) Tổng Công ty nắm giữ 14.400.000 cổ phiếu, tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú.
- (ii) Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú 85.253.638.578 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ.
- (iii) Tổng Công ty đầu tư 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn tương đương 21,51% vốn điều lệ.
- (iv) Tổng Công ty đầu tư 423.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần May Đà Lạt tương đương 40,00% vốn điều lệ.
- (v) Tổng Công ty đầu tư 634.192 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú tương đương 31,71% vốn điều lệ.
- (vi) Tổng Công ty đầu tư 12.519.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức tương đương 44,02% vốn điều lệ.
- (vii) Tổng Công ty đầu tư 2.172.448 cổ phiếu, tương đương 35,99% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam.
- (viii) Tổng Công ty đầu tư 5.614.375 cổ phiếu, tương đương 23,89% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang.
- (ix) Tổng Công ty đầu tư 1.301.424 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An tương đương 11,72% vốn điều lệ.
- (x) Tổng Công ty đầu tư 2.999.772 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương tương đương 12,76% vốn điều lệ.
- (xi) Tổng Công ty đầu tư 880.808 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định tương đương 2,33% vốn điều lệ.
- (xii) Tổng Công ty đầu tư 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú tương đương 10,91% vốn điều lệ.
- (xiii) Tổng Công ty đầu tư 130.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Len Việt Nam tương đương 3,17% vốn điều lệ.
- (xiv) Tổng Công ty đầu tư 1.126.228 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may tương đương 23,66% vốn điều lệ.
- (xv) Tổng Công ty đầu tư 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá tương đương 2,25% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (xvi) Trong kỳ Tổng Công ty đã bán toàn bộ 1.065.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú với trị giá bán thông qua đấu giá là 30.885.000.000 VND.
- (xvii) Tổng Công ty đầu tư 180.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Phú tương đương 6,00% vốn điều lệ.
- (xviii) Tổng Công ty đầu tư 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định tương đương 12,04% vốn điều lệ.
- (xix) Tổng Công ty đầu tư 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phước Lộc tương đương 15,79% vốn điều lệ.
- (xx) Tổng Công ty đầu tư 2.400.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú tương đương 16,34% vốn điều lệ.
- (xxi) Trong kỳ Tổng Công ty đã bán toàn bộ 729.920 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô với trị giá bán thông qua đấu giá là 21.897.600.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên doanh, liên kết

Tình hình thị trường và dịch bệnh Covid-19 năm trước làm ảnh hưởng đến hoạt động của một số công ty trong ngành bất động sản như Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức. Công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	49.501.249.280	45.094.425.238
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(7.775.456.243)	1.043.645.945
Số cuối kỳ	41.725.793.037	46.138.071.183

Giao dịch với công ty con và các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	129.336.674.555	53.284.416.937
Mua dịch vụ	3.966.578.532	3.710.683.499
Bán hàng hóa, thành phẩm	164.290.248.005	38.215.059.522
Cung cấp dịch vụ	40.112.259.738	32.281.026.047
Thanh lý tài sản cố định	310.000.000	-
Cổ tức được chia	10.080.000.000	-
Lãi vay cho thuê tài sản	5.695.368.813	3.942.072.689
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	-
Thu lãi cho vay	1.831.013.699	3.666.117.808
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	-	-
Mua hàng hóa	30.346.873.574	24.575.665.756
Mua dịch vụ	-	-
Bán hàng hóa, thành phẩm	11.397.340.524	9.944.999.000
Cung cấp dịch vụ	8.714.346.234	5.655.590.106
Lãi vay phải thu	1.446.271.407	1.415.614.058

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	87.872.380.625	154.283.601.489
Bán hàng hóa, thành phẩm	263.251.742.323	228.517.390.488
Cung cấp dịch vụ	6.645.762.458	6.306.263.264
Mua nguyên liệu	114.378.812.754	115.833.041.856
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	224.726.419.210	225.848.358.542
Công ty TNHH Coats Phong Phú	189.343.540.360	164.710.119.620
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	15.229.388.080	33.520.956.982
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại Phong Phú	13.930.807.340	13.930.807.340
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	6.222.683.430	13.686.474.600
Phải thu các khách hàng khác	64.562.080.747	101.493.712.526
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước (tên trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú)	-	32.923.446.043
Các khách hàng khác	64.562.080.747	68.570.266.483
Cộng	289.288.499.957	327.342.071.068
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm (tên trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức)	2.508.914.736	2.508.914.736
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Toàn Cầu ATP	1.800.004.896	-
Công ty TNHH MTV Ân Hưng	830.043.800	-
Các nhà cung cấp khác	1.968.759.797	1.472.740.371
Cộng	7.107.723.229	3.981.655.107
5. Phải thu về cho vay		
5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay	-	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	55.000.000.000
Cho tổ chức khác vay	-	61.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước	-	61.600.000.000
Cộng	-	116.600.000.000
5b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Số dư đầu năm là khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú vay.		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>68.070.586.823</i>	-	<i>135.564.896.338</i>	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi cho vay	57.683.893.147	-	55.852.879.448	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi vay	306.693.676	-	245.616.890	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Phải thu lợi nhuận được chia	-	-	79.466.400.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú - Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	10.080.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>185.088.886.956</i>	<i>(3.242.551.090)</i>	<i>252.932.172.800</i>	<i>(3.242.551.090)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	98.402.161.112	-	98.402.161.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền lãi cho vay	49.617.853.705	-	47.521.360.554	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh dự án Đồng Mai	-	-	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền chậm thanh toán	24.543.080.669	-	22.421.436.833	-
Tạm ứng	1.279.233.933	-	667.063.933	-
Phải thu cổ tức được chia	1.026.070.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi	1.764.401.370	-	-	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	139.235.902	-	117.537.791	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.316.850.265	(3.242.551.090)	3.802.612.577	(3.242.551.090)
Cộng	253.159.473.779	(3.242.551.090)	388.497.069.138	(3.242.551.090)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh - Dự án Khu công nghiệp Lê Minh Xuân (*)	43.532.895.759	-	43.532.895.759	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Cộng	62.532.895.759	-	62.532.895.759	-

(*) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đảm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Hai bên đã làm việc và thống nhất chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh, tiến hành thuê kiểm toán toàn bộ chi phí đầu tư dở dang của dự án để xây dựng phương án xử lý tài chính cụ thể.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan	13.930.807.340	844.882.805	13.930.807.340	2.529.452.079
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.930.807.340	844.882.805	13.930.807.340	2.529.452.079
Các tổ chức và cá nhân khác	5.794.763.516	30.459.592	38.899.385.729	9.371.670.664
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước	-	-	32.923.446.043	9.300.622.988
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Các tổ chức và cá nhân khác	2.552.212.426	30.459.592	2.733.388.596	71.047.676
Cộng	19.725.570.856	875.342.397	52.830.193.069	11.901.122.743

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	40.929.070.326	32.580.762.433
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(22.078.841.867)	7.368.210.300
Số cuối kỳ	18.850.228.459	39.948.972.733

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	44.455.120.209	-
Nguyên liệu, vật liệu	21.888.079.617	(1.186.866.684)	41.736.339.629	(1.298.388.933)
Công cụ, dụng cụ	-	-	62.519.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.275.730.380	-	21.541.971.559	-
Chi phí dở dang dự án	76.285.461.700	-	76.285.461.700	-
Thành phẩm	51.491.867.518	(1.736.432.541)	41.369.880.222	(2.574.036.849)
Hàng hóa	5.527.095.185	-	3.980.229.500	-
Hàng gửi đi bán	164.733.352	-	360.766.384	-
Cộng	176.632.967.752	(2.923.299.225)	229.792.289.067	(3.872.425.782)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.872.425.782	27.409.861.459
Hoàn nhập dự phòng	(949.126.557)	(14.559.360.639)
Xuất khác	-	(885.717.872)
Số cuối kỳ	2.923.299.225	11.964.782.948

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	115.744.247	1.000.142.707
Chi phí sửa chữa	803.468.994	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	233.890	233.990
Cộng	919.447.131	1.000.376.697

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	7.591.836.720	8.326.530.600
Chi phí sửa chữa	4.063.452.859	4.925.176.029
Công cụ, dụng cụ	1.680.462.382	2.366.175.632
Chi phí thuê	35.500.000	248.500.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	74.130.000	243.472.589
Cộng	13.445.381.961	16.109.854.850

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	515.342.829.481	1.221.579.381.592	23.172.544.400	10.767.803.453	1.770.862.558.926
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.057.534.328	-	-	9.057.534.328
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.976.129.420)	-	-	(2.976.129.420)
Phân loại lại	(59.600.948)	59.600.948	-	-	-
Số cuối kỳ	515.283.228.533	1.227.720.387.448	23.172.544.400	10.767.803.453	1.776.943.963.834
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.920.188.279	251.571.322.908	7.011.257.528	3.313.387.883	310.816.156.598
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	168.276.879.841	723.627.745.253	13.963.793.119	4.811.411.815	910.679.830.028
Khấu hao trong kỳ	9.339.866.880	40.307.203.742	972.879.102	385.818.343	51.005.768.067
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.755.221.024)	-	-	(2.755.221.024)
Phân loại lại	(59.600.948)	64.463.168	-	(4.862.220)	-
Số cuối kỳ	177.557.145.773	761.244.191.139	14.936.672.221	5.192.367.938	958.930.377.071
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	347.065.949.640	497.951.636.339	9.208.751.281	5.956.391.638	860.182.728.898
Số cuối kỳ	337.726.082.760	466.476.196.309	8.235.872.179	5.575.435.515	818.013.586.763
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 588.409.939.800 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng và Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.23).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	92.945.614.827	3.959.200.370	88.986.414.457
Khấu hao trong kỳ	-	3.354.104.688	-
Số cuối kỳ	92.945.614.827	7.313.305.058	85.632.309.769

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	583.927.273	372.796.560	211.130.713
Khấu hao trong kỳ		28.086.464	
Số cuối kỳ (*)	583.927.273	400.883.024	183.044.249

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 213.000.000 VND.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí của Dự án Thăng Lợi.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	4.786.980.938	8.423.542.224	(9.057.534.328)	4.152.988.834
Xây dựng cơ bản dở dang	1.835.173.954	8.908.276.400	-	10.743.450.354
Dự án đầu tư nhà máy sợi cộc (*)	427.393.953	8.908.276.400	-	9.335.670.353
Dự án chợ mới TP. Vũng Tàu	1.407.780.001	-	-	1.407.780.001
Cộng	6.622.154.892	17.331.818.624	(9.057.534.328)	14.896.439.188

(*) Trong đó, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính mua sắm tài sản dở dang với số tiền 282.875 USD, tương đương 6.421.262.500 VND (xem thuyết minh V.23).

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	66.178.344.983	65.264.968.283
Các chi phí phải trả	3.705.156.617	2.791.779.917
Dự phòng phải trả	62.473.188.366	62.473.188.366
Lỗi tính thuế chưa sử dụng	276.587.526.087	341.938.368.231
Cộng	342.765.871.070	407.203.336.514

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	152.938.666.622	171.547.030.733
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	43.200.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	46.400.579.987	58.598.399.622
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	21.323.816.246	37.888.588.286
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.171.070.389	75.060.042.825
Phải trả các nhà cung cấp khác	100.452.483.174	117.103.168.121
Cộng	253.391.149.796	288.650.198.854

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, nợ phải trả các nhà cung cấp khác đã được các ngân hàng tài trợ thanh toán bằng Upas L/C là 80.214.477.839 VND (số đầu năm là 95.717.397.492 VND).

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	36.845.370	36.845.370
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Nam	36.845.370	36.845.370
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	11.590.571.202	15.919.949.884
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	1.627.993.302	5.957.371.984
Cộng	11.627.416.572	15.956.795.254

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	34.267.689	-	3.012.178.692	(2.885.974.236)	160.472.145	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.663.514.703	(1.663.514.703)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	41.971.711	108.134.637	(90.190.337)	-	24.027.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	207.769.015	-	-	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	3.243.501.690	-	6.512.993.194	(7.258.943.332)	2.497.551.552	-
Thuế tài nguyên	6.750.239	-	81.537.925	(80.840.725)	7.447.439	-
Tiền thuê đất	224.943.509	-	35.748.147.561	(11.694.489.348)	24.278.601.722	-
Thuế nhà thầu	-	-	168.043.413	(168.043.413)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Cộng	3.509.463.127	249.740.726	47.301.550.125	(23.848.996.094)	26.944.072.858	231.796.426

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê; kinh doanh sợi, xơ 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170.014.708.954	195.566.605.146
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.306.363.732	14.331.831.294
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.791.779.917)	(4.563.468.522)
Thu nhập chịu thuế	171.529.292.769	205.334.967.918
Thu nhập được miễn thuế	(106.178.450.625)	(162.209.313.489)
Lỗ được chuyển	(65.350.842.144)	(43.125.654.429)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tổng Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Số dư cuối kỳ là tiền lương, thường còn phải trả cho người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	100.480.669	-
Chi phí lãi vay	775.769.301	838.417.776
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.828.906.647	1.953.362.141
Cộng	3.705.156.617	2.791.779.917

21. Doanh thu chưa thực hiện

21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan	3.157.462.000	3.157.462.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	-	105.681.818
Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng	-	105.681.818
Cộng	3.157.462.000	3.263.143.818

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định của Công ty TNHH Coats Phong Phú.

22. Phải trả khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	45.791.638.967	749.345.869
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	974.046.967	749.345.869
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả	44.817.592.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.907.651.515	2.888.524.401
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế,		
Bảo hiểm thất nghiệp	896.279.826	1.133.683.987
Cổ tức phải trả	1.162.994.135	701.661.135
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Phải trả lợi		
nhuận từ góp vốn	4.673.719.375	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.174.658.179	1.053.179.279
Cộng	53.699.290.482	3.637.870.270

22b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Nhận góp		
vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm - Nhận		
góp vốn dài hạn	19.500.000.000	19.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	29.426.000.000	29.426.000.000

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	11.803.503.609	11.003.785.192
Vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số		
V.23b)	11.803.503.609	11.003.785.192
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ	51.478.069.011	148.133.502.205
chức và cá nhân khác		
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽¹⁾	24.549.345.064	123.916.934.466
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -		
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.548.737.603	30.598.107.258
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh		
TP. Hồ Chí Minh	-	26.218.872.440
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi		
nhánh TP. Hồ Chí Minh	9.000.607.461	61.136.474.380
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	5.963.480.388
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	18.482.558.400	15.367.789.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số		
V.23b)	8.446.165.547	8.848.778.539
Cộng	63.281.572.620	159.137.287.397

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh.

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	508.243.409.197	503.416.884.812
Vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	508.243.409.197	503.416.884.812
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	272.169.019.207	282.490.146.853
Vay dài hạn ngân hàng	112.677.088.200	123.207.477.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	112.677.088.200	123.207.477.600
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	109.293.387.996	110.550.664.407
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	50.198.543.011	48.732.004.846
Cộng	780.412.428.404	785.907.031.665

- (i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay dài hạn cá nhân khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (iv) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê là 84 tháng.

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	131.159.646.600	18.482.558.400	96.684.643.200	15.992.445.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	520.046.912.806	11.803.503.609	60.617.564.967	447.625.844.230
Vay dài hạn các cá nhân	109.293.387.996	-	-	109.293.387.996
Nợ thuê tài chính	58.644.708.558	8.446.165.547	39.557.462.185	10.641.080.826
Cộng	819.144.655.960	38.732.227.556	196.859.670.352	583.552.758.052

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	138.575.266.800	15.367.789.200	95.602.771.200	27.604.706.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	514.420.670.004	11.003.785.192	56.510.565.981	446.906.318.831
Vay dài hạn các cá nhân	110.550.664.407	-	-	110.550.664.407
Nợ thuê tài chính	57.580.783.385	8.848.778.539	35.395.114.157	13.336.890.689
Cộng	821.127.384.596	35.220.352.931	187.508.451.338	598.398.580.327

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Năm 2021, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9,568 m² đất (tương ứng diện tích phần đất liên kế đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	15.516.715.326	10.449.800.000	(4.920.620.000)	21.045.895.326
Quỹ phúc lợi	4.662.105.484	-	(1.109.386.400)	3.552.719.084
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.009.152.619	8.993.851.000	(5.761.000.000)	5.242.003.619
Cộng	22.187.973.429	19.443.651.000	(11.791.006.400)	29.840.618.029

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

26c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 139/NQ-ĐHĐCĐ/PP ngày 20 tháng 5 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (30%/mệnh giá cổ phiếu)	224.012.673.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (6%)	15.674.701.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%)	10.449.800.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%)	7.837.350.000
• Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)	1.156.501.000

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	788.599,45	523.491,20
Euro (EUR)	318,37	343,63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	254.605.058.638	243.954.424.478
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	471.495.716.853	254.608.451.373
Cộng	726.100.775.491	498.562.875.851

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	209.212.922.665	217.095.321.348
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	437.212.639.541	225.801.727.809
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(949.126.557)	(14.559.360.639)
Cộng	645.476.435.649	428.337.688.518

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	723.755.427	168.607.381
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.377.999.148	-
Lãi chậm thanh toán	2.121.643.836	5.931.863.014
Cổ tức, lợi nhuận được chia	106.178.450.625	162.209.313.489
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	734.753.540	680.863.761
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.242.636.779
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	33.464.972.438	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.511.202
Cộng	147.601.575.014	171.255.795.626

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.917.406.193	8.950.655.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	976.551.163	172.222.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.108.877.729	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	284.658.000	-
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(7.775.456.243)	1.043.645.945
Chi phí tài chính khác	1.360.175.206	795.490.551
Cộng	7.872.212.048	10.962.013.858

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.372.439.362	1.677.805.258
Chi phí vận chuyển	2.393.763.499	1.321.293.589
Chi phí khác	4.367.107.424	3.458.601.245
Cộng	8.133.310.285	6.457.700.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.549.118.974	18.100.480.101
Chi phí vật liệu quản lý	1.496.040.932	1.016.473.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.640.080.129	1.764.010.548
Thuế, phí và lệ phí	35.272.074.446	8.720.647.696
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(22.078.841.867)	7.368.210.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.965.659.318	11.378.249.456
Chi phí khác	3.602.840.059	4.514.364.356
Cộng	41.446.971.991	52.862.436.072

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	440.943.456	4.591.236.010
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.261.435.882
Thu tiền đền bù, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất	-	33.409.384.500
Thu nhập khác	597.434.368	1.315.481
Cộng	1.038.377.824	39.263.371.873

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý dự án	-	11.378.756.703
Chi phí khác	577.906.643	36.057.622
Cộng	577.906.643	11.414.814.325

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	294.712.911.858	250.932.237.711
Chi phí nhân công	47.499.706.273	51.348.828.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.387.959.219	56.615.786.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.972.749.170	81.604.760.498
Chi phí khác	24.822.883.385	26.267.898.436
Cộng	499.396.209.905	466.769.511.425

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	11.744.558.325	12.578.043.946
- Cần trừ khoản tiền lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	5.695.368.813	4.005.540.805
- Mua sắm tài sản cố định bằng nhận nợ thuê tài chính	6.421.262.500	55.029.766.368

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả tiền mua tài sản cố định	-	650.683.800
- Trả trước tiền mua tài sản cố định	575.614.994	220.456.800

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	71.525.279.148	73.092.418.248
Trên 01 năm đến 05 năm	254.385.957.022	252.558.009.047
Trên 05 năm	354.117.500.278	384.500.561.913
Cộng	680.028.736.448	710.150.989.208

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.295.845.200 VND (cùng kỳ năm trước là 1.178.500.530 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tổng Công ty chỉ phát sinh các giao dịch sau với Tập đoàn Dệt may Việt Nam:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	112.226.388.000	56.113.194.000
Lãi vay phải trả	4.670.195.588	4.476.961.507
Chi phí dịch vụ	80.000.000	65.428.450

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.7, V.16, V.17, V.21, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Các lĩnh vực khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

3b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) và các nước Châu Âu và Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nội địa	614.828.921.017	466.018.141.370
Doanh thu xuất khẩu	110.921.112.276	29.063.949.142
Cộng	725.750.033.293	495.082.090.512

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2018 và 2019, Tổng Công ty đã bàn giao một số căn cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn vào kết quả hoạt động kinh doanh như sau:


Doanh thu kinh doanh bất động sản	115.401.827.748
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	111.481.102.764
Lãi gộp	3.920.724.984


Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức là 76.285.461.700 VND.

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 12 năm 2021 và xét xử phúc thẩm vào ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.24).

Hiện tại Tổng Công ty đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng


Dương Khuê
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	11.003.785.192	-	6.045.698.913	-	(5.461.379.361)	215.398.865	11.803.503.609
Vay ngắn hạn ngân hàng	123.916.934.466	111.087.101.865	-	-	(210.454.691.267)	-	24.549.345.064
Vay dài hạn đến hạn trả	15.367.789.200	-	12.085.580.400	-	(8.985.837.200)	15.026.000	18.482.558.400
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.848.778.539	-	5.632.675.186	-	(6.050.851.788)	15.563.610	8.446.165.547
Cộng	159.137.287.397	111.087.101.865	23.763.954.499	-	(230.952.759.616)	245.988.475	63.281.572.620

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn bên liên quan	503.416.884.812	-	(6.045.698.913)	-	-	10.872.223.298	508.243.409.197
Vay dài hạn ngân hàng	123.207.477.600	-	(12.085.580.400)	-	-	1.555.191.000	112.677.088.200
Vay dài hạn các cá nhân	110.550.664.407	6.271.000.000	-	1.957.863.586	(9.486.139.997)	-	109.293.387.996
Nợ thuê tài chính	48.732.004.846	6.421.262.500	(5.632.675.186)	-	(797.648)	678.748.499	50.198.543.011
Cộng	785.907.031.665	12.692.262.500	(23.763.954.499)	1.957.863.586	(9.486.937.645)	13.106.162.797	780.412.428.404

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Dương Khuê
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	746.708.910.000	32.368.276.001	375.429.581.476	310.384.946.246	1.464.891.713.723
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	195.566.605.146	195.566.605.146
Tạm ứng cổ tức trong kỳ	-	-	-	(112.006.336.500)	(112.006.336.500)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	746.708.910.000	32.368.276.001	375.429.581.476	393.873.214.892	1.548.379.982.369
Số dư đầu năm nay	746.708.910.000	32.368.276.001	416.437.619.476	374.615.448.436	1.570.130.253.913
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	170.883.149.515	170.883.149.515
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	15.674.701.000	(35.118.352.000)	(19.443.651.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(224.012.673.000)	(224.012.673.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Số dư cuối kỳ này	746.708.910.000	32.368.276.001	432.112.320.476	286.295.572.951	1.497.485.079.428

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2022

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	243.954.424.478	254.608.451.373	(3.480.785.339)	495.082.090.512
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.954.424.478	254.608.451.373	(3.480.785.339)	495.082.090.512
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	41.418.463.769	28.806.723.564	(3.480.785.339)	66.744.401.994
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(59.320.136.164)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.424.265.830
Doanh thu hoạt động tài chính				171.255.795.626
Chi phí tài chính				(10.962.013.858)
Thu nhập khác				39.263.371.873
Chi phí khác				(11.414.814.325)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				195.566.605.146
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	79.385.159.196	-	-	79.385.159.196
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.636.967.899	19.350.297.197	-	60.987.265.096
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	7.368.210.300	-	-	7.368.210.300



